TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 02 - 2022
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Minh và ông Lê Quang Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thư ký viên chính, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 170/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1992;
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1995;
Địa chỉ nơi cư trú: Đội M, thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 16/11/2021, bản tự khai ngày 22/12/2021 và tại phiên tòa, anh Hoàng Văn Q trình bày: Anh và chị Trần Thị T yêu nhau và đăng ký kết hôn tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 28/10/2013. Sau kết hôn, anh và chị T chung sống tại nhà bố mẹ anh tại xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, khác biệt nhau về suy nghĩ và cách ứng xử nên thường xuyên xãy ra sự cải vã. Vợ, chồng sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh Q xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết nên yêu cầu được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh Q thừa nhận vợ, chồng có một con chung là cháu Hoàng Trần Nhất B, sinh ngày 14/3/2012, hiện đang sinh sống cùng chị T. Sau ly hôn, anh Q có nguyện vọng giao con chung cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Anh Q thừa nhận vợ, chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Trần Thị T: Tại phiên tòa chị T vắng mặt, nhưng trong đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 13/01/2022 gửi Tòa án, chị T nêu ý kiến như sau: Do điều kiện công việc làm ăn và do tình hình dịch bệnh Covid 19 lây lan phức tạp nên việc đi lại gặp nhiều khó khăn, không thể đến Tòa án để giải quyết được, nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử văng mặt. Về nội dung đơn ly hôn của anh Q: Chị T thừa nhận quá trình yêu nhau, kết hôn, chung sống và nguyên nhân mâu thuẩn của vợ chồng như anh Q đã trình bày. Chị xác định vợ chồng ly thân nhau đã lâu, không còn tình cảm gì với nhau nên anh Q yêu cầu ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn như nguyện vọng của anh Q.

Về con chung: Chị T thừa nhận vợ, chồng có một con chung là cháu Hoàng Trần Nhất B, sinh ngày 14/3/2012, hiện nay đang sinh sống cùng chị. Sau ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị T thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn anh Hoàng Văn Q khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Trần Thị T là loại việc quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn chị T đến Tòa án để giải quyết vụ án và tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng chị T đều vắng mặt. Ngày 13/01/2022, chị T đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, trong đó nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh Q. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị T.

[3]. Về yêu cầu ly hôn: Theo trình bày và thừa nhận của anh Q, chị T, thì anh Q, chị T đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 28/10/2013, do đó hôn nhân giữa anh Q và chị T là hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 07 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân do tình cách sống không hợp nhau, khác biệt nhau về suy nghĩ và cách ứng xử trong cuộc sống. Mâu thuẩn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nguyên đơn anh Q yêu cầu ly hôn, bị đơn chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong văn bản gửi cho Tòa án không có nhu cầu đoàn tụ và đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẩn giữa anh Q và chị T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu

cầu của anh Q, xử cho anh Q được ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Anh Q và chị T thừa nhận vợ chồng có một con chung là Hoàng Trần Nhất B, sinh ngày 14/3/2012. Sau ly hôn anh Q có nguyện vọng giao con chung cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Chị T trong văn bản gửi cho Tòa án yêu cầu giao con chung cho chị tiếp tục trực tiếp trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét con chung là Hoàng Trần Nhất B, sinh ngày 14/3/2012 trước thời gian đăng ký kết hôn của vợ chồng, tuy nhiên trong Giấy khai sinh ngày 06/02/2014 (đăng ký khai sinh quá hạn) đều ghi anh Q và chị T là cha và mẹ của cháu Hoàng Trần Nhất B; đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án cả anh Q và chị T đều thừa nhận cháu Hoàng Trần Nhất B là con chung của vợ chồng, nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật dân sự. Xét điều kiện về kinh tế cũng như người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con hiện tại thì chị T có điều kiện hơn anh Q, yêu cầu của chị T được nuôi con và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, được nguyên đơn anh Q chấp nhận là phù hợp với điều kiện thực tế của bị đơn và nguyên đơn cũng như các điều kiện sống khác của con chung tại thời điểm hiện nay cũng như nguyện vọng xin được ở với mẹ của cháu Hoàng Trần Nhất B. Vì vậy, cần giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh Q phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự, con chung cũng như quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau này, nếu điều kiện của các bên thay đổi, vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung: Anh Q, chị T đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho anh Hoàng Văn Q được ly hôn chị Trần Thị T.

2. Giao con chung Hoàng Trần Nhất B, sinh ngày 14/3/2012 cho chị Trần Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Hoàng Văn Q phải cấp dưỡng nuôi con chung Hoàng Trần Nhất B mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 3/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Sau này, vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều thừa nhận không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

- Án phí ly hôn: Nguyên đơn anh Hoàng Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai số 31AA/2021/0004310 ngày 16/11/2021.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn anh Hoàng Văn Q phải chịu 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Hoàng Văn Q có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/02/2022); bị đơn chị Trần Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện L;*
- *TAND tỉnh Quảng Bình;*
- *Chi cục THADS huyện L;*
- *UBND xã P (Nơi ĐKKH để ghi chú vào sổ hộ tịch);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*
- *Lưu VP;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hải